

THÓI QUEN GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI VIỆT KHI NÓI LỜI VAN VÀ XIN

Nguyễn Thị Thanh Ngân*

Trường Đại học Khoa học – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Van và *xin* là những hành động nói quan trọng và phổ biến trong cuộc sống. Bài báo giới thiệu vai trò và vị trí của hai hành động này trong giao tiếp, sau đó chỉ ra dấu hiệu ngôn hành (illocutionary force indicating devices) của từng hành động, nhằm giải thích sự tương đồng và khác biệt giữa chúng. Hy vọng- với bài báo này- có thể khơi gợi thêm những cách nghiên cứu về ngữ dụng học tiếng Việt.

Từ khóa: *thói quen giao tiếp, ngữ dụng*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Người Việt có câu “lạt mềm buộc chặt”. Không phải cứ hề mong muốn người nghe (Sp2)⁽¹⁾ làm việc gì, người nói (Sp1) cũng đều dùng lí trí để yêu cầu, ra lệnh, cảm đoán.... Trong những hoàn cảnh nhất định, chính yếu tố tình cảm là chiến lược hiệu quả mà Sp1 có thể áp dụng để tác động đến Sp2, ràng buộc Sp2 thực hiện việc gì đó theo mong muốn của mình. Khi đó, hành động van và xin là lựa chọn hàng đầu của Sp1.

Van và xin là hai hành động cầu khiến có sắc thái tình cảm rõ nét. Ranh giới mờ nhạt giữa chúng cho phép người Việt ghép chúng thành hành động kép “van xin”. Song, việc cộng gộp chúng không phải lúc nào cũng đem lại hiệu quả cao nhất, bởi dù có gán gửi đến đâu, thì xét về bản chất, đây vẫn là hai hành động độc lập. Quá trình thực hiện chúng từ khi chuẩn bị đến khi tiến hành dù có chung nhiều điểm tương đồng, song, ở mỗi khâu cụ thể, những nét dị biệt tinh tế vẫn được bộc lộ. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi xin nêu ra điểm khác biệt giữa hai hành động này trên cơ sở một số điều kiện thuận ngôn (còn gọi là điều kiện may mắn- *felicity conditions*- vốn là dự tính của Sp1 trước khi thực hiện hành động ngôn từ) và một số dấu hiệu ngôn hành (vốn là phương tiện để Sp1 tạo lập phát ngôn khi thực hiện hành động ngôn từ).

VỀ ĐIỀU KIỆN THUẬN NGÔN

Trong khâu chuẩn bị, việc nhận định kịp thời và chính xác về tình thế cho phép Sp1 thực hiện hành động thành công như mong muốn. Để hành động van và xin đạt hiệu quả, Sp1 phải tính toán đến các khả năng sau:

Vị thế của Sp1

Người van/ xin tự biết mình ở vị thế yếu, phải trông chờ, mong mỏi Sp2 ban ơn mà thực hiện X, trao quyền sở hữu vật Y hoặc dừng việc X' nào đó. Trên thực tế, ngay cả khi Sp1 vốn có cương vị xã hội cao hơn hoặc bằng Sp2, nhưng khi van/ hoặc xin, Sp1 vẫn buộc phải hạ mình, phải tỏ ra mình là người lệ thuộc vào sự ban ơn của Sp2. Chẳng hạn:

(1)- *Xin em hãy tha lỗi cho anh...*

(2)- *U van con, u lay con, con có thương thầy thương u, thì con cứ đi với u, đừng khóc lóc nữa, đau ruột u lắm. (Ngô Tất Tố)*

Ở vị thế xã hội cao (Sp1 xưng *anh*), nhưng Sp1 vẫn hạ mình, tỏ rõ niềm mong mỏi rằng Sp2 hãy nể tình mà tha lỗi cho Sp1. Ở vị thế cao hơn, nhưng Sp1 (chị Dậu) vẫn xuống nước tha thiết khẩn cầu Sp2 (cái Tí) thông cảm với hoàn cảnh khốn cùng của gia đình, thông cảm với nỗi đau đứt ruột của Sp1 để theo mẹ sang ở nhà cụ Nghị. Chính sự hạ mình này của Sp1 khiến Sp2 áy náy, nể nang, từ đó thực hiện những gì mà Sp1 mong muốn. Như vậy, dù vị thế xã hội của Sp1 thực tế có cao hơn hay ngang bằng Sp2, thì lựa chọn cách van/ hoặc xin, Sp1 cũng chấp nhận mình

* Tel: 0988 115018, Email: ngan thanh@gmail.com

là kẻ yếu thế trước Sp2. Cho nên, người Việt chỉ chấp nhận những lời trần thuật về hành động xin và van có tác thể ở thế yếu, phải phụ thuộc vào tiếp thể như “*Cô ta xin/ van bác sĩ hãy phẫu thuật gấp cho cô ta/ Hấn ta xin/ van chủ nợ cho mình được khát đến cuối tháng...*” chứ không chấp nhận tác thể ở vị thế mạnh, chẳng hạn “*Bác sĩ xin/ van cô ta hãy phẫu thuật...*”.

Tuy nhiên, nếu ở hành động xin, Sp1 chỉ hạ mình đến một mức độ nhất định để đảm bảo tính lịch sự, thì ở hành động van, Sp1 hạ mình đến mức thấp nhất có thể để cầu xin sự thương hại của Sp2. So sánh:

(3)- *Xin quan lớn rủ lòng thương chạy chữa ngay cho cụ tôi!* (Vũ Trọng Phụng)

(3') *Van quan lớn rủ lòng thương chạy chữa ngay cho cụ tôi!*

Trong lời xin, thể diện dương tính của Sp1 không bị ảnh hưởng nặng nề như trong lời van: việc Sp1 xuống nước trong lời xin thường được đánh giá là lịch sự, trân trọng Sp2; còn sự hạ mình của Sp1 trong lời van dễ được hiểu là sự quy lụy, cầu cạnh Sp2. Vì lẽ đó, chỉ trong những trường hợp bi thiết thật sự, Sp1 mới lựa chọn thực hiện hành động van.

Ngoài ra, Sp1 chỉ dùng lời van với tư cách cá nhân, trong khi có thể dùng lời xin với tư cách đại diện cho một tập thể. Chính vì thế, trong những hoàn cảnh có nghi thức, người Việt chấp nhận hành động xin (chẳng hạn: “*Em tha thiết xin trung đoàn cho em được ở lại chiến khu (Phùng Quán)*”, chứ không chấp nhận hành động van (chẳng hạn, khó có thể nói “*Em tha thiết van trung đoàn cho em được ở lại chiến khu!*”). Chính điểm khác biệt về vị thế, tư cách của Sp1 làm nên đặc trưng riêng cho hai hành động này.

Lợi ích của việc thực hiện X (hoặc không thực hiện X' bất lợi)

Nếu hành động mà Sp1 mong muốn được thực hiện, thì người hưởng lợi trước tiên là Sp1. Trong ví dụ 2, khi Sp2 thôi khóc và đi cùng Sp1 sang nhà Nghị Quế, thì Sp1 tạm dứt

được nỗi đau đứt ruột; trong ví dụ 3, khi Sp2 chạy chữa cho cụ cố, thì Sp1 được tiếng thơm là người con có hiếu. Song, trong không ít trường hợp, lợi ích của việc thực hiện hành động dường như thuộc về Sp2, chẳng hạn:

(4)- *Tôi xin ông, ông nghe tôi trốn đi.* (Nguyễn Huy Tưởng)

(5)- *Thôi, tôi van thầy nó đừng làm điều đại tội.* (Nguyễn Công Hoan)

Đó là khi giữa hai người có quan hệ tri kỷ hoặc thân thiết- kể cả khi sự thân thiết đó là tình cảm đơn phương từ phía Sp1 (Đan Thiềm), do đó, với Sp1, sức khỏe của Sp2 (Vũ Như Tô) là quan trọng nhất, mạng sống của Sp2 thậm chí còn đáng quý hơn cả mạng sống của Sp1 (xem ví dụ 4). Đó là khi giữa Sp1 (chị cụ Bán) và Sp2 (anh cụ Bán) có mối quan hệ ruột thịt, và sự an nguy của Sp2 là mối quan tâm hàng đầu của Sp1 (xem ví dụ 5). Do vậy, lợi ích của việc thực hiện hành động X tuy trực tiếp thuộc về Sp2, nhưng xét về bản chất, Sp1 vẫn gián tiếp là người hưởng lợi. Cho nên, người Việt chỉ chấp nhận logic: “*Tôi xin/ van anh làm X cho tôi*”, hiếm khi chấp nhận logic “*Tôi xin/ van anh làm X cho anh*”.

Tuy nhiên, ở điểm này, giữa xin và van có những điểm khác biệt nhất định. Nếu hành động tương lai trong lời van được hiện thực hóa, thì lợi ích mà Sp1 hưởng là lợi ích tinh thần do kết quả của hành động mang lại. Với hành động xin, tình hình lại khác: Sp1 có thể xin Sp2 ban ơn huệ về cả tinh thần (làm việc gì) và vật chất (cho cái gì). Điều này dẫn đến phạm vi sử dụng của hành động xin rộng hơn hẳn so với hành động van. Khi xin, mức độ tình cảm của Sp1 có thể ít (xin cái gì), trung bình (xin Sp2 làm gì một cách lịch sự) có thể nhiều, thậm chí rất nhiều (năn nỉ xin Sp2 làm gì). Còn khi van, mức độ tình cảm phải ở mức tối đa. Cho nên, có những trường hợp mà hành động van có thể được thay thế bằng hành động xin, song không ít trường hợp, người Việt không chấp nhận sự hoán đổi ngược lại. Chẳng hạn, lời van “*Tôi van cậu, cậu đừng ép tôi ...* (Nguyễn Công Hoan)”

hoàn toàn có thể chuyển thành lời xin “*Tôi xin cậu, cậu đừng ép tôi ...*”. Song lời xin “*Còn thuốc không, cho mình xin một điếu. (Lê Lưu)*”, hay “*Xin cụ vào phủ châu ngay! (Lê Hữu Trác)*” không thể chuyển thành lời van, bởi mức độ tình cảm chưa đạt đến độ sâu sắc cần thiết.

Ngoài ra, khi xin, Sp1 thường mong Sp2 thực hiện X có lợi cho Sp1; còn khi van, Sp1 thường mong Sp2 dừng việc X' nào đó bất lợi cho Sp1 (hoặc bất lợi cho Sp2, nếu giữa Sp1 và Sp2 có quan hệ thân cận thực sự). Do đó, người Việt thường chủ động nói lời xin khi bản thân có nhu cầu (xin xem lại ví dụ 1, 3, 4), và thường chỉ nói lời van khi mình bị hoàn cảnh dồn vào thế thụ động (xin xem lại các ví dụ 2, 5).

Cho nên, việc tính toán xem lợi ích thuộc về Sp1 ở mức độ nào là yếu tố quan trọng để Sp1 lựa chọn thực hiện hành động van hay hành động xin.

Khả năng từ chối thực hiện hành động X của Sp2

Khả năng từ chối của Sp2 trong hai hành động này phụ thuộc vào tính cách của Sp2: nếu là người sống thiên tình cảm, Sp2 sẽ khó lòng từ chối; ngược lại, nếu Sp2 sống thiên lý trí thì khả năng từ chối hành động này hoàn toàn có thể xảy ra. Điểm khác biệt giữa xin và van thể hiện ở chỗ: lý do chủ yếu thúc đẩy Sp2 nhận lời thực hiện X trong hành động van là sự nể nang, thương cảm; còn lý do khiến Sp2 thực hiện X trong lời xin thì đa dạng hơn nhiều: bởi Sp2 nể nang (nể nang Sp1 nên Sp2 mới làm X), hào phóng (hào phóng nên mới cho Y) hay đơn giản chỉ vì Sp2 lịch sự (tôn trọng Sp1 nên mới làm X).

Trên thực tế, những yếu tố nêu trên chính là những điều kiện thuận ngôn (còn gọi là điều kiện may mắn- *felicity conditions*). Đó là những điều kiện đảm bảo cho sự thành công của hành động ngôn từ mà Sp1 thực hiện. Nếu Sp1 cố tình vi phạm một trong các điều kiện này, hành động ngôn từ có thể vẫn diễn ra, nhưng không mang lại hiệu quả như Sp1 mong muốn.

VỀ DẤU HIỆU NGÔN HÀNH

Sau khi chuẩn bị kỹ về tâm thế, Sp1 lập tức chọn lựa các phương tiện ngôn ngữ đặc lực, vốn được cộng đồng người bản ngữ sử dụng theo một quy luật riêng nhằm thể hiện một lực ngôn trung nhất định- ứng với mỗi hành động ngôn từ. Các phương tiện đó được gọi là các dấu hiệu ngôn hành (còn gọi là các *dấu hiệu chỉ dẫn ngôn trung- illocutionary force indicating devices*). Để thể hiện lực ngôn trung của hành động van và xin, Sp1 có thể sử dụng một/ một vài dấu hiệu sau:

Vị từ ngôn hành

Vị từ ngôn hành là “*vị từ... mà ngay việc sử dụng nó cũng chính là cái hành động động mà nó biểu hiện*” [Cao Xuân Hạo, 1991, tr 124]. Để hành chức, các vị từ này phải thỏa mãn những điều kiện thiết yếu như: i. chủ thể (subject) phải ở ngôi thứ nhất; ii. vị từ phải ở thì hiện tại; iii. bổ ngữ chỉ đối tượng tiếp nhận phải ở ngôi thứ hai; iv. câu/ phát ngôn không chứa những biểu thức đóng vai trò trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích ... Nói như thế nghĩa là không phải vị từ nào cũng có thể hành chức ngôn hành, và không phải hành động nào cũng có vị từ ngôn hành tương ứng.

Hành động van và xin đều có thể dùng vị từ ngôn hành để biểu thị lực ngôn trung. Tuy nhiên, mỗi hành động có một vị từ ngôn hành riêng, và các vị từ đó lại có khả năng kết hợp với các yếu tố điều biến chuyên biệt.

Hành động xin có vị từ ngôn hành *xin*. Khi được dùng với tư cách ngôn hành, *xin* vừa biểu thị sự mong mỏi Sp2 “*cho mình cái gì hoặc làm cho mình việc gì*”⁽²⁾, lại vừa “*biểu thị thái độ khiêm tốn, lễ phép*” [theo Từ điển tiếng Việt, 2009, tr. 140], chẳng hạn:

(6)- *Em xin chị chục bạc để mua sách học (Thạch Lam)*

(7)- *Xin bệ hạ hoàn gươm cho Long Quân!*

Điều này cho phép vị từ này xuất hiện độc lập, không cần kết hợp với các thành phần điều biến. Tuy nhiên, khi muốn tăng thêm tính ràng buộc, Sp1 có thể gia cố vị từ *cầu*,

tao thành tổ hợp *cầu xin*. Lúc này, *cầu* là thành phần điều biến lực ngôn ngữ trung. So sánh ví dụ “*Xin anh hãy tha thứ cho em*” và “*Cầu xin anh hãy tha thứ cho em*”, có thể thấy bản thân vị từ *xin* đã là sự tự khiêm, lại kết hợp với sắc thái tuyệt đối hóa tầm quan trọng của Sp2 do *cầu* mang lại khiến sự ràng buộc tăng lên rõ rệt. Thông thường, với những lời xin có thêm yếu tố *cầu*, Sp2 khó lòng từ chối việc thực hiện hành động X.

Để thực hiện hành động van, Sp1 có thể dùng vị từ ngôn ngữ hành *van*. Vị từ này thể hiện sự *khẩn khoản, thiết tha và nhún nhường để cầu xin điều gì* [theo Từ điển tiếng Việt, 2009, tr. 140]. Do đó, VTNH không nhất thiết phải đi kèm với thành phần điều biến nào khác. Trong một số ít trường hợp, do muốn nhấn mạnh yếu tố tình cảm, Sp1 thêm thắt tổ hợp *cấn rơm cấn cỏ* trước vị từ *van*, chẳng hạn:

(8)- *Lạy ông cháu có tội, cháu cấn rơm cấn cỏ van ông, ông tha cho cháu.* (Nguyễn Khắc Trường)

Tổ hợp này bổ sung yếu tố tự khiêm ở mức tối đa- ý nghĩa tự khiêm vốn đã sẵn có trong bản thân vị từ- khiến giọng điệu của lời cầu khiến trở nên tha thiết hơn, do đó ràng buộc Sp2 với việc thực hiện hành động X trong tương lai.

Như vậy, tuy đều có thể dùng vị từ ngôn ngữ hành để thực hiện hành động, nhưng nghĩa của từng vị từ và khả năng kết hợp của chúng với các yếu tố điều biến lực ngôn ngữ trung không giống nhau. Đó là điểm khác biệt dễ nhận thấy nhất về mặt hình thức giữa hai hành động này.

Từ ngữ (tổ hợp) chuyên dụng

Cả hành động van và hành động xin đều có thể dùng tổ hợp “*làm ơn/ làm phúc*”, “*tội nghiệp*” để gia tăng yếu tố tình cảm. Chẳng hạn:

(9)- *Nhà tôi đang ốm... Ông làm phúc nói rộng nút thừng ra cho!* (Ngô Tất Tố)

(10)- *Con có thương thầy thương u, thì con cứ đi với u!* (Ngô Tất Tố)

Các tổ hợp này có tác dụng tôn vinh Sp2, đưa Sp2 lên vị thế của kẻ bề trên, kẻ ban ơn. Đây được coi là thành phần điều biến tích cực, có tác dụng làm lay động tình cảm của Sp2, khiến Sp2 vì nể nang Sp1 mà nhận lời làm X.

Tuy nhiên, hành động van và xin có những từ ngữ chuyên dụng riêng. Để tạo lập hành động van, có thể dùng vị từ *lạy*. Thực ra, theo Nguyễn Thị Quy, *lạy* vốn là hoạt động vật lý với nghĩa *chấp tay, quỳ gối và cúi gập người để tỏ lòng cung kính, theo lễ nghi* [Nguyễn Thị Quy, tr. 84], được dùng theo nghĩa chuyển thành vị từ nói năng, chủ yếu được dùng để tỏ thái độ cung kính khi thực hiện hành động chào hỏi (chẳng hạn “*Bám lạy cụ Bá ạ/ Lạy ông con về ạ!*”) hoặc cầu khiến. Chỉ khi được dùng trong lời cầu khiến, vị từ này mới được coi là gần nghĩa với vị từ *van*, có thể được thay thế cho *van* trong một số trường hợp, chẳng hạn:

(11)- *Cháu lạy hai ông, hai ông tha cho thày cháu.* <=> *Cháu van hai ông, hai ông tha cho thày cháu.* (+)

Đó là khi Sp1 không chỉ tha thiết, vật nài, mà còn hạ mình một cách nhục nhã, mong Sp2 vì nể nang sự “biết điều” ấy mà ra ơn làm X. Thông thường, ấy là khi Sp2 không chỉ nắm lợi thế kẻ mạnh bởi sẵn có quyền lực, sức mạnh, mà còn hơn hẳn Sp1 về mặt tuổi tác- chỉ ít cũng là bậc cha chú của Sp1. Do vậy, không phải lúc nào cũng có thể thay thế *van* bằng *lạy* (chẳng hạn người Việt có thể nói: *Em van anh hãy tin em*” nhưng hiếm khi nói “*Em lạy anh hãy tin em*”).

Trong những trường hợp chấp nhận sự thay thế giữa *van* và *lạy*, hành động van có thêm một sắc thái biểu hiện mới: “*van lạy*” (hoặc “*lạy van*”). Người Việt thường dùng tổ hợp *van lạy* để miêu tả chung chung về hành động van mà Sp1 hạ mình một cách thái quá trước Sp2.

Còn với hành động xin, Sp1 có thể dùng vị từ *cho*, ấy là khi Sp1 muốn xin Sp2 thứ gì, vật gì. Lúc này, Sp1 thường sử dụng vị từ *cho* trong những câu có chủ ngữ ứng với Sp2, chẳng hạn:

(12) - *Chú cho tôi ầm chè nhé!*

(13)- *Cho em xin cái xe!*

Có thể coi đây là từ ngữ chuyên dụng có tính đặc trưng của hành động xin, bởi lẽ nói xong các câu nêu trên, Sp1 không thể bỏ sung một vế câu nghịch ý, chẳng hạn, thật vô lý khi nghe những câu như: “*Chú cho tôi ầm chè nhé, song, tôi không xin chú/ song chú cho hay không thì tùy*”;

“*Cho em xin cái xe, nhưng cho hay không là tùy anh*”.

Ngoài ra, để xin, Sp1 có thể dùng tổ hợp *ăn mày*. *Ăn mày* nghĩa là “xin của bố thí để sống” [theo Từ điển tiếng Việt, 2009, tr. 22], được dùng thay thế cho vị từ *xin* trong các câu cầu khiến có chủ ngữ là tác thể (Sp1), chẳng hạn:

(14)- *Lạy bà, con ăn mày bà một bát* (Nguyễn Công Hoan)

(15)-*Con đến ăn mày cô chút gạo nuôi cháu.*

Khi buộc phải sử dụng những câu có tổ hợp này, Sp1 đã phải vứt bỏ toàn bộ thể diện của mình để tôn vinh tối đa vị thế của Sp2. Đó cũng là khi Sp1 lâm vào cảnh khốn cùng, chỉ trông chờ vào sự bố thí của Sp2 để duy trì cuộc sống.

Như vậy, khi không muốn dùng vị từ ngôn hành, Sp1 hoàn toàn có thể lựa chọn các từ ngữ chuyên dụng để tạo lập hành động xin và hành động van cho phù hợp.

Kết cấu chuyên dụng

Hành động xin và hành động van không có kết cấu chuyên dụng để tạo lập hay nhận diện. Thông dụng nhất là kết cấu câu đơn hai sự tình có vị từ ngôn hành (đây là kết cấu đặc biệt của nhóm hành động cầu khiến, nhưng lại ít được chú ý, bởi nếu so sánh vai trò trong việc thể hiện lực ngôn trung, thì vị từ ngôn hành quan trọng, đặc lực và dễ nhận thấy hơn kết cấu chuyên dụng). Song, có một điểm đặc biệt là: khi kết cấu câu đơn hai sự tình có vị từ ngôn hành *xin* (vốn là của hành động xin) được lặp lại nhiều lần, hành động van đã chính thức được thực hiện.

(S1+ xin + S2+ V)n = van

Trong đó:

- S1: tác thể của sự tình 1 (Sp1)

- S2 : tác thể của sự tình 2 (Sp2)

-V: vị từ [+chủ ý] của sự tình 2

Xét các ví dụ:

(16)- *Anh đừng đi, xin anh đừng đi...*

S2 [+chủ ý] xin S2 V[+chủ ý]

(17)- *Xin tướng quân tha cho ông Cả.*

Xin S2 V[+ chủ ý]

Tướng quân tha cho ông Cả ...

S2 V[+ chủ ý]

Kết cấu này thường được sử dụng khi Sp1 nhận thấy nguy cơ Sp2 có thể không đồng ý thực hiện việc mà mình mong mỏi. Do vậy, Sp1 cuống quýt, lo lắng lặp lại nội dung mệnh đề nhằm làm tăng sắc thái tha thiết, khẩn khoản, cốt để Sp2 thương hại mà chấp thuận. Chính vì thế, mức độ tình cảm được đẩy đến mức tối đa. Đây chính là đặc trưng của hành động van.

Các dấu hiệu ngôn hành nêu trên tỏ ra hữu hiệu không chỉ trong việc tạo lập (từ phía Sp1) mà còn nhận diện (từ phía Sp2) hành động van và hành động xin.

Như vậy, có thể nói van và xin là những hành động thông dụng trong đời sống của người Việt. Việc tính toán các điều kiện thuận ngôn và sử dụng hiệu quả các dấu hiệu ngôn hành không chỉ cho phép Sp1 tạo lập được các hành động van và xin cho phù hợp nhất với hoàn cảnh và mong muốn của mình, mà còn giúp người Việt thể hiện được phần nào sự mềm mỏng và linh hoạt khi “dùng nhu thắng cương”. Đó chính là nghệ thuật trong đối nhân xử thế.

CHÚ THÍCH

1. Trong giao tiếp, người nói (Speaker 1- Sp1) và người nghe luôn luôn đối vai.
2. Những câu ngỏ ý mong mỏi cho Sp1 được làm gì, kiểu như “Tôi xin được làm trâu ngựa để đền ơn ông/ Cháu xin báo mật thông tin này...” không được coi là sản phẩm điển hình của hành động xin.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. J.L Austin, (1962) *How to do things with words*, Cambridge, University Press.
2. A. Wierzbicka, (1987) *English speech act verbs*, Academic Press Australia.
3. Cao Xuân Hạo, (1991) *Tiếng Việt, sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Khoa học Xã hội, TP HCM.
4. Đỗ Hữu Châu, (2001) *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2, Giáo dục, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Hiệp, (2008) *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, Giáo dục, Hà Nội.
6. Đào Thanh Lan, (2010) *Ngữ pháp ngữ nghĩa của lời cầu khiến tiếng Việt*, Khoa học Xã hội, Hà Nội
7. J. Lyons, (2006) *Ngữ nghĩa học dẫn luận* (Bản dịch của Nguyễn Văn Hiệp), Giáo dục, Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Quy, (1995) *Vị từ hành động tiếng Việt và những tham tố của nó*, Khoa học Xã hội, Hà Nội.
9. Trung tâm từ điển học, (2009) *Từ điển tiếng Việt*, Đà Nẵng.

SUMMARY

THE VIETNAMESE'S HABIT OF SAYING VAN AND XIN

Nguyễn Thị Thanh Ngân*
College of Science - TNU

Van and *xin* are some important and popular speech acts in life. This article introduces their role and position in communication, and then points out the illocutionary force indicating devices of each action (through the analysis of examples) to explain the similarities and differences between them. With this article, we hope to elicit more some ways of researching to Vietnamese pragmatic.

Key words: *habit of communication pragmatic*

Ngày nhận bài: 13/3/2014; Ngày phản biện: 15/3/2014; Ngày duyệt đăng: 25/3/2014

Phản biện khoa học: TS. Phạm Thị Phương Thái – Trường Đại học Khoa học - ĐHTN

* Tel: 0988 115018, Email: ngan thanh@gmail.com